

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51 /2021/HS-ST

Ngày 13 tháng 7 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Ông Lương Ngọc Biên

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Thủy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Quang Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/**2021**/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn S, sinh năm 1977 tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố Th, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Thân Thị Nh (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979 và có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 59/2013/HSST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 06/4/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Từ Thị N (tên gọi khác H), sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn K 1, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2. Chị Hồ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Tân L, xã An D, huyện T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến ngày 23/01/2020, Nguyễn Văn S, sinh năm 1977 ở Tổ dân phố Th, thị trấn T, huyện Yên Dũng thường lên mạng Zalo và Facebook và lấy tên là “Nguyễn S”. S không làm trong ngành Công an nhưng tự giới thiệu mình làm ở Phòng cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang để tạo quan hệ quen biết với nhiều người, qua đó thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 02 người bị hại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 7/2018, thông qua mạng xã hội Zalo, Song quen biết với chị Hồ Thị H, sinh năm 1976 ở thôn Tr, xã L, huyện Y. S giới thiệu với chị H tên là S, sinh năm 1977 ở thị trấn K, huyện L hiện đang công tác tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có khả năng xin việc làm, xin tại ngoại, xin chuyển công tác trong lực lượng Công an. Khoảng tháng 2/2019, bà Từ Thị N, sinh năm 1960 ở thôn Tr, xã L, huyện L là chị dâu của chị H có nói với chị H về việc con trai là Ch hiện đang công tác tại Phòng Cảnh sát cơ động Công an thành phố Hà Nội muốn xin chuyển công tác về Công an tỉnh Bắc Giang nên chị H đã giới thiệu bà N gặp S tại nhà chị H để chị N nhờ S giúp, khi gặp bà N thì S nói với bà N là đang công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang có khả năng xin chuyển công tác cho

con trai chị về công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang nhưng phải đưa cho S 10.000.000đồng để S rút hồ sơ của con trai bà N về. Khoảng tháng 4/2019, bà N đi đến khu vực ngã 3 Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang đưa cho S 10.000.000đồng, đến khoảng tháng 5/2019, S bảo chị H liên hệ với bà N đưa cho S thêm 5.000.000đồng để S lo quà cáp biểu lãnh đạo rồi sẽ chuyển cho con trai bà N về công tác tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang. Sau đó, bà N đã nhờ chị H đưa cho Song 5.000.000đồng tại nhà chị H, toàn bộ số tiền có được S đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 11/2019, thông qua mạng xã hội Facebook, Song quen biết với chị Phạm Thị Th, sinh năm 1981 ở thôn K 1, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. S giới thiệu với chị Th tên mình là S, sinh năm 1977 ở thị trấn T, huyện Yên Dũng hiện đang công tác tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, có khả năng xin việc, xin tại ngoại, xin chuyển công tác trong lực lượng Công an. Do chị Th có chị em kết nghĩa là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 ở thôn Th, xã Tr, huyện L, con trai của chị L bị Công an huyện Việt Yên bắt giữ về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên chị Th đã giới thiệu chị L với S. Khoảng tháng 12 năm 2019, S có đến nhà chị L ở thôn Th, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Giang, khi gặp chị L thì S giới thiệu là làm ở Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, có khả năng xin cho con trai chị L tại ngoại và bảo chị L đưa cho S 10.000.000đồng để S đưa cho anh em làm cùng phòng lo cho con trai chị L tại ngoại và tại nhà chị L S có nhận của chị L 10.000.000 đồng. Do tin tưởng nên khoảng giữa tháng 01/2020, S lại đến nhà chị L bảo chị L đưa thêm cho S 35.000.000đồng để lo cho con trai chị L tại ngoại nhưng chị L chỉ có 12.000.000 đồng đưa cho S nhưng S không nhận mà yêu cầu chị L phải đưa cho Song 15.000.000đồng, số tiền còn lại Song sẽ ứng cho chị L vay và S bỏ về. Do không có đủ tiền nên chị L đưa cho chị Th 12.000.000đồng nhờ chị Th đưa cho S. Chị Th gọi điện nhờ S giúp chị L nên S bảo chị Th cầm tiền đi ra khu vực đầu đường mới, thị trấn Ch, huyện L gần khu vực gần Đài truyền hình đưa tiền cho S. Chị Th đi ra điếm hèn đưa cho S 12.000.000đồng, toàn bộ số tiền có được S đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi không thấy S xin chuyển công tác và xin tại ngoại như đã hứa, ngày 22/12/2020 và ngày 24/12/2020, chị Từ Thị N, chị Hồ Thị H và chị Nguyễn Thị L đã làm đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang.

Ngày 23/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn S và thu giữ của S: 01 ví màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn S; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân M; 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen lắp sim số 0982.121.491; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8 màu đen lắp sim số 0982.121.545; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen lắp sim số 032.319.581 và 190.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn S khai nhận bản thân không phải làm trong ngành Công an và không có khả năng xin chuyển công tác cho con trai chị N và không có khả năng xin tại ngoại cho con trai chị L. Mục đích nói dối bản thân làm trong ngành Công an và có khả năng xin chuyển công tác, xin tại ngoại là để chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Theo bà Từ Thị N khai ngoài 02 lần đưa tiền cho S với tổng số tiền là 15.000.000 đồng thì vào giữa tháng 5/2019, do S bảo cần phải có 50.000.000 đồng để lấy quyết định chuyển công tác cho con trai nên chị đã vay chị Hồ Thị H 10.000.000 đồng và nhờ chị H chuyển số tiền này cho S. Tổng số tiền chị trực tiếp đưa cho Song và nhờ chị H đưa cho Song là 25.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã đối chất chị Hồ Thị H với Nguyễn Văn S nhưng S không thừa nhận, ngoài lời khai không có tài liệu chứng cứ nào khác nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi của chị Hồ Thị H có hành vi giới thiệu S với bà N và chị Phạm Thị Thắng có hành vi giới thiệu S với chị L nhưng chị H và chị Th không biết S thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không xử lý được.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân M; 01 giấy phép lái xe ô tô có giá trị sử dụng đến ngày 26/11/2018 mang tên Nguyễn Xuân M, sinh năm 1982 ở thôn T, xã A, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8 màu đen lắp sim số 0982.121.545 01 ví màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn S; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Masstel màu đen lắp sim số 0982.121.491; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen lắp sim số 032.319.581 và 190.000 đồng

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/01/2021, vợ của Nguyễn Văn S là chị Nguyễn Thị Th đã bồi thường 15.000.000đồng cho bà Từ Thị N và 22.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị L. Bà N yêu cầu S phải bồi thường tiếp cho bà 10.000.000 đồng là tiền bà đã vay của chị H đưa cho S vào giữa tháng 5/2019. Chị L, chị H, chị Th không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSYD ngày 17/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

+ Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như tại cơ quan điều tra đã khai nhận, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan.

+ Bị hại là bà Từ Thị N có mặt tại phiên tòa trình bày: Do tin tưởng S có khả năng xin chuyển công tác cho con trai bà từ Phòng Cảnh sát cơ động Công an thành phố Hà Nội về Công an tỉnh Bắc Giang nên bà 02 lần đưa tiền cho S với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Ngoài ra thì giữa tháng 5/2019, chị H có điện thoại cho bà nói rằng bị cáo S yêu cầu đưa thêm 50.000.000 đồng để lấy quyết định chuyển công tác, nhưng bà không có bà đã vay chị Hồ Thị H 10.000.000 đồng và nhờ chị H chuyển số tiền này cho S để lấy quyết định của con trai bà. Số tiền 10.000.000 đồng này bà không trực tiếp đưa cho bị cáo S và bị cáo S cũng không trực tiếp điện thoại cho bà yêu cầu đưa tiền. Tổng số tiền bà trực tiếp đưa cho S và nhờ chị H đưa cho S là 25.000.000đồng. Nay chị Th là vợ S đã bồi thường cho bà 15.000.000đồng. Tại phiên tòa bà không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện bị cáo S có nhận của bà 10.000.000 đồng từ chị H đưa, nay bà xin rút không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo đúng quy định.

+ Bị hại là bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa trình bày: Do tin tưởng Song đang công tác tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có khả

năng xin cho con trai bà L tại ngoại nên bà L đã đưa cho S tất cả 22.000.000đồng. Nay chị Th là vợ S đã bồi thường cho chị L số tiền 22.000.000đồng. Về trách nhiệm dân sự bà L không yêu cầu gì. Về trách nhiệm hình sự chị đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo mức án thật nghiêm.

+ Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt nhất trí và không có ý kiến gì.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S từ **18 tháng đến 24 tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2020 đến ngày 06/4/2021.

+ Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị Lụa, bà Từ Thị Nụ đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8 màu đen lắp sim số 0982.121.545.

4.2. Trả lại bị cáo Song 01 ví màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn Song; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen lắp sim số 0982.121.491; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen lắp sim số 032.319.581; và 190.000 đồng.

4.3. Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân M; 01 giấy phép lái xe ô tô có giá trị sử dụng đến ngày 26/11/2018 mang tên Nguyễn Xuân M, sinh năm 1982 ở thôn T, xã A, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì, nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng về tội danh cũng như hình phạt. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Xét về tội danh của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến ngày 23/01/2020, bị cáo Nguyễn Văn S có hành vi thông qua

mạng xã hội Zalo và Facebook, lấy tên là Nguyễn S, tự nhận làm việc ở Công an tỉnh Bắc Giang có khả năng xin chuyển công tác trong ngành Công an và xin tại ngoại cho người bị bắt giữ để chiếm đoạt tiền của bà Từ Thị N, sinh năm 1960 ở thôn Tr, xã L, huyện L là 15.000.000 đồng và chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 ở thôn Th, xã Tr, huyện L là 22.000.000 đồng. Tổng số tiền S chiếm đoạt của bà N và chị L là 37.000.000 đồng, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự phạm tội với lỗi cố ý, là đối tượng không có việc làm ổn định, lười lao động, thông qua mạng xã hội Zalo và Facebook, bị cáo có nick là “Nguyễn Sơn” với thủ đoạn gian dối bằng lời nói tự nhận mình đang công tác tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có khả năng xin tại ngoại, xin chuyển công tác trong lực lượng Công an để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 bị cáo đã bị xét xử về hình sự đối với tội chiếm đoạt tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, mà lại còn phạm tội.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho những bị hại. Do vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, tuy nhiên bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định và cũng do tình hình dịch bệnh Covid 19, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1]. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị L 22.000.000đồng, bồi thường cho bà N 15.000.000đồng, chị L đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8.2]. Bà N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 10.000.000đồng do bà N vay của chị Hồ Thị H và nhờ chị H đưa lại cho bị cáo. Tại phiên tòa bà N rút yêu cầu này, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

[9.1] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8 màu đen lắp sim số 0982.121.545 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen lắp sim số 032.319.581, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận sử dụng hai số điện thoại trên để liên lạc với bị hại và người liên quan, do vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen lắp sim số 032.319.581 vì bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9.2] Đối với 01 ví màu nâu, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen lắp sim số 0982.121.491 và 190.000 đồng là tài sản của S không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị được xin lại những tài sản trên, do đó cần trả lại cho bị cáo S. Nhưng tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen lắp sim số 0982.121.491 và số tiền 190.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[9.3] Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân M, 01 giấy phép lái xe ô tô có giá trị sử dụng đến ngày 26/11/2018 mang tên Nguyễn

Xuân M, sinh năm 1982 ở thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang, bị cáo đã dán ảnh của bị cáo vào chứng minh thư nhân dân. Do không còn giá trị sử dụng và anh Mạnh trình bày đã làm lại các giấy tờ trên, anh không xin lại, do vậy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Đối với hành vi của chị Hồ Thị H có hành vi giới thiệu S với bà N và chị Phạm Thị Th có hành vi giới thiệu S với chị L nhưng chị H và chị Th không biết S thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Song phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2020 đến ngày 06/4/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về vật chứng vụ án:

4.1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 8 màu đen lắp sim số 0982.121.545 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen lắp sim số 032.319.581.

4.2. Trả lại bị cáo các tài sản gồm: 01 ví màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen lắp sim số 0982.121.491; 190.000 đồng, nhưng tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen lắp sim số 0982.121.491 và 190.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

4.3. Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân M; 01 giấy phép lái xe ô tô có giá trị sử dụng đến ngày 26/11/2018 mang tên Nguyễn Xuân M, sinh năm 1982 ở thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Vật chứng của vụ án được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng theo Quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKSNDYD ngày 17/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng)

5. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

7. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Công an huyện Yên Dũng;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo